Kinh Bất Đoạn (Anupada Sutta)

Kinh Trung Bộ (VNC PHVN, 2020)

111. KINH BẤT ĐOẠN (Anupada Sutta)

93. Như vầy tôi nghe. Một thời5 Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ)5 tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tinh xá ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. f. . r _ _ .] Các vị Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo, Sãriputta là bậc Hiền trí (Pandỉtă); này các Tỷ-kheo, Sãriputta là bậc Đại tuệ;1 này các Tỷ-kheo, Sãriputta là bậc Quảng tuệ;2 này các Tỷ-kheo, Sãriputta là bậc Hỷ tuệ;3 này các Tỷ-kheo, Sãriputta là bậc Tiệp tuệ;4 này các Tỷ-kheo, Sãriputta là bậc Lợi tuệ;5 này các Tỷ-kheo? Sãriputta là bậc Quyết trạch tuệ.6 Này các Tỷ-kheo, cho đến nửa tháng, Sãriputta quán bất đoạn pháp.78Này các Tỷ-kheo, đây là do bất đoạn pháp quán của Sãriputta. 94. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Sãriputta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Và những pháp thuộc về Thiền thứ nhất như tầm, tứ, hỷ? lạc, nhất tâm,8 yà xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả5 tác ý?9 các pháp ấy được r r .. J n • < JI. / •

an trú bât đoạn. Các pháp ây được Sãriputta biêt đên khi chúng khởi lên, được Sãriputta biết đến khi chúng an trú, được Sãriputta biết đến khí chúng đoạn diệt. Sãriputta biết rõ như sau: "Nhu vậy các pháp ấy, trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diet." Sãriputta đối với những pháp ấy

1 Mahãpahhã'. Đại tuệ, tức là đối với Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, Tứ đế, 37 phẩm trợ đạo, v.v... 2Puthupannã giống như Mahãpannã. 3Hãsupannã, có nghĩa là hỷ lạc phát sinh khi thành tựu giới luật, hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống, v.v... Javanapanna. Xem s. V. 376-77; Fs. II. 200. Trong MA. IV. 84 viết rằng vị ấy rất nhạy bén, biết rõ các uẩn là vô thường, khổ, vô ngã. 5 Tikkhapannã. Xem MA. 11; D. III. 126; A. I. 45. Trong MA. IV. 85 giải thích rằng Tôn giả Sãriputta sớm đoạn trư các kiết sử và đoạn trừ các bất thiện tâm như tham lam, sân hạn, hoài nghiv.v... 6 Nỉbbedhỉkapannã. Xem Ps. II. 201; PED. Các loại Tuệ này được nói đến trong s. I. 63; J. IV. 136. Xem KS. 1.88, n. 1. . . 7 Sãriputta chứng A-la-hán quả sau 2 tuần. Xem MA. III. 203 và IV. 86; DA. 418; DhA. I. 97. 8 XemDhs. 7-11, 84-8, 283-87, 37L75; BPE. 5-18. 9 Xem Dhs. 2-6, 278-82, 366-70.

866 KINH TRUNG Bộ

cảm thấy không luyến ái910 không chống đối, độc lập/1 không trói buộc,12 giải thoát,13 không hệ lụy,14 an trú với tâm không có hạn chế.15 Sãriputta biết: uCòn có sự giải thoát hơn thế nữa.16 Đối với Sãriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn nữa.” Lại nữa, này các Tỷ"kheo, Sãriputta diệt tâm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Và những pháp thuộc về Thiền thứ hai như nội tĩnh, hỷ? lạc, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thăn^ giải, tinh tân, niệm? xả, tác ý5 những pháp ấy được an trú bât đoạn. Các pháp ây

được Sãriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sãriputta biết đến khi chúng an trú, được Sãriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sãriputta biết rõ như sau: “Nhu vậy các pháp ấy, trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diet.” Sãriputta đối với những pháp ấy không luyến áiị không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy? an trú với tâm không có hạn chế. Sãriputta biết: uCòn có sự giải thoát hơn thế nữá. Đối với Sãriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa.” Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sãriputta ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Và những pháp thuộc về Thiền thứ ba như xả, lạc, niệm, tỉnh giác, nhất tâm, và xúc, thọ? tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, xả, tác ý, những pháp ấy được Sãriputta an trú bất đoạn. Các pháp ẩy được Sãriputta biết đến khi chúng khởi lên? được Sãriputta biết đến khi chúng an tni9 được Sãriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sãriputta đối với những pháp ấy không luyển ái, không chống đốiặ độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy? an trú với tâm không có hạn chế. Sãriputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sãriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa." Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sãriputta xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, Và những pháp thuộc về Thiền thứ tư như xả bất kho bất lạc thọ?1718 vô quán niệm tâm8 thanh tịnh nhờ niệm, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục? thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý5 những pháp ấy được Sãriputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sãriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sãriputta biết đên khi chúng an trú, được Sãriputta biêt đên khi chúng đoạn diệt. Sãriputtâ đôi

10 Anupãya. Xem M. III. 30 ^Anissita: Không chấp trước vào kiến và ái. Xem MA. IV. 89. 12 Appaịỉbaddha: Đối với tham và dục. 13 Vỉppamutta'. Giải thoát khỏi dục lạc. 14 Visarnyutta: Khỏi 4 ách của kiết sử. Xem MA. IV. 89. 15 Vìmarỉyãdĩkatena cetasã. Không có hạn chế vì những gì đâ được đoạn trừ. Xem s. III. 31. 16 Xem M. I. 38; MLS. I. 48, n. 7. Đây không phải Niết-bàn mà chỉ cho sự chứng đắc kế tiếp. 17 Upekkhã adukkhamasukhã vedanã. 18 Cetaso anãbhoga: Sự thụ động của tư tưởng, thiếu sự chú tâm, chú ý. Xem PC. 221, n. 4 về ãbhoga; Vỉsm. 164 viết cetaso abhogo, co mạt Thiền thứ ba, nhưng không có Thiền thứ tư.

với những pháp ây không luyên ái, không chông đôi, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy9 an trú với tâm không có hạn chế. Sãriputta biết: uCòn có sự giải thoát hơn thể nữa. Đối với Sãriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nưa.,, Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sãriputta vượt lên hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, nghĩ rằng: "Hu không là vô bien”chứng và trú Không vô biên xứ. Và những pháp thuộc về Không vô biên xứ như hư không vô biên xứ tưởng, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả9 tác ý, những pháp ấy được Sãriputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sãriputta biêt đên khi chúng khởi lên, được Sãriputta biết đến khi chúng an trú? được Sãriputta biết đến khi chúnẹ đoạn diệt. Sãriputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đổi,

độc lập9 không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy? an trú với tâm không có hạn chế. Sãriputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sãriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế níĩa.” Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sãriputta vượt lên hoàn toàn Không vô biên xứ5 nghĩ rằng: "Thức là vô bien", chứng và trú Thức vô biên xứ. Và những pháp thuộc về Thức vô biên xứ như thức vô biên xứ tưởng, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được Sãriputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sãriputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sãriputta biết đến khi chúng an ựú, được Sãriputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sãriputta đối với những pháp ấy không luyển ái, không chống đối? độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sãriputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sãriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa." Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Sãriputta vượt lên hoàn toàn Thức vô biên xứ? nghĩ rằng: uKhông có vật gi", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Và những pháp thuộc về Vô sở hữu xứ như vô sở hữu xứ tưởng, nhất tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được Sãriputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Săriputta biết đến khi chủng khởi lên, được Sãriputta biết đến khi chúng an trú, được Sãriputta biết đến khi chúnệ đoạn diệt. Sâriputta đôi với những pháp ây không luyên ái, không chông đôi? độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sãriputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sãriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa/' 95. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sãriputta vượt lên hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứnẹ và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Với chánh niệm5 SãrÌẸutta xuất khỏi định ay. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sãrỉputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: "Nhu vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diet." Săriputta đối với những pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối9 độc lập, không

trói buộc, giảỉ thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. Sãriputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sãriputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa.” 96. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sãriputta vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và an trú Diệt thọ tưởng định. Sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Với chánh niệm, Sãriputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sãriputta thay các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: “Nhu vậy các pháp ấy, trước không có nơi ta, sau có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diet." Sâriputta đối với các pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối? độc lập, khônệ trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chê. Sãriputta biêt: "Không có sự giải thoát nào vô thượng hơn thế nữa. Đối với Sãriputta, không có việc phải làm nhiều hơn thế nữa.” 97. Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: "Người này được tự tại, được cứu cánh (pãramippatta) trong Thánh giới; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thot.” Nói một cách chơn chánh về Sãriputta, người ấy có thể nói như sau: "Sãriputta được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giới; được tự tại, được cứu cánh

trong Thánh định; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ; được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát.” Này các Tỷ-kheo5 nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: "Người này là con chánh tông của Thế Tôn5 sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất.” Nói một cách chơn chánh về Sãriputta, người ấy có thể nói như sau: "[Sãriputta] là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất.” Sãriputta, này các Tỷ-kheo? chơn chánh chuyển pháp luân vô thượng đã được Như Lai chuyển vận. Thế Tôn thuyết giảng như vậy9 các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.